

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế xã hội ngành nông nghiệp và PTNT năm 2022

Thực hiện Công văn số 3607/UBND-TH ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022; Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi báo cáo nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2021

Trong năm 2021, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất trồng trọt hơn so với các năm; ngược lại trong chăn nuôi dịch bệnh đã xảy ra ở diện rộng như bệnh lở mồm long móng, viêm da nổi cục, bệnh dịch tả lợn Châu Phi; Đặc biệt tình hình dịch Covid-19 bùng phát diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm và thủy sản đặc biệt là cây Ớt, hải sản nuôi trồng và đánh bắt, . . . Tuy nhiên, với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn ngành, trong năm 2021 ngành nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

I. Tốc độ tăng trưởng

Giá trị sản xuất toàn ngành (giá ss 2010) ước đạt 17.605,13 tỷ đồng, trong đó, nông nghiệp 8.864,17 tỷ đồng, lâm nghiệp 2.033,08 tỷ đồng, thủy sản 6.707,88 tỷ đồng. So với kế hoạch cả năm, giá trị sản xuất toàn ngành đạt 100,54%; so với năm trước, giá trị sản xuất toàn ngành tăng 3,02%, trong đó nông nghiệp tăng 3,1%, lâm nghiệp tăng 8,08%, thủy sản tăng 1,47%. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

II. Kết quả đạt được

1. Trồng trọt

1.1. Tình hình sản xuất một số loại cây trồng chính

a) Sản xuất cây lương thực

Sản lượng lương thực ước cả năm đạt 491.004 tấn (thóc 432.262 tấn, ngô 58.742 tấn). So với năm 2020 sản lượng lương thực ước cả năm tăng 2,79% (13.311 tấn), cụ thể:

- **Cây lúa:** Diện tích gieo sạ ước đạt 72.093 ha, năng suất bình quân ước đạt 60 tạ/ha, sản lượng ước đạt 432.262 tấn. So với năm 2020, diện tích tăng 1,64% (1.162 ha), năng suất tăng 1,63% (1,0 tạ/ha), sản lượng tăng 3,21% (13.460 tấn). Nguyên nhân diện tích tăng: Năm 2020, năng hạn một số diện tích

không gieo sạ được, năm 2021 thời tiết thuận lợi, đủ nước để gieo sạ nên diện tích tăng.

- **Cây ngô:** Diện tích gieo trồng ước đạt 10.200 ha, năng suất ước đạt 57,6 tạ/ha, sản lượng ước đạt 58.625 tấn. Kết quả sản xuất cây ngô năm 2021 sắp xỉ năm 2020.

b) Các loại cây hoa màu khác:

- **Rau các loại:** Diện tích gieo trồng ước đạt 13.862 ha, năng suất bình quân ước đạt 165,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 239.348 tấn. So với năm 2020, năng suất tăng 1,57% (2,6tạ/ha), sản lượng tăng 1,57% (3.550 tấn).

- **Đậu các loại:** Diện tích gieo trồng ước đạt 3.456 ha, năng suất bình quân ước đạt 21,0tạ/ha, sản lượng ước đạt 7.258 tấn. So với năm 2020, năng suất tăng 2,94% (0,6tạ/ha), sản lượng tăng 3,1% (217,6 tấn).

c) Cây công nghiệp hàng năm khác

- **Cây lạc:** Diện tích gieo trồng ước đạt 6.047 ha, năng suất bình quân ước đạt 24,0tạ/ha, sản lượng ước đạt 14.518 tấn. So với năm 2020, diện tích tăng 1,39% (83 ha), năng suất tăng 1,3% (0,3tạ/ha), sản lượng tăng 2,83% (400 tấn).

- **Cây mè:** Diện tích ước đạt 15.200ha, năng suất bình quân ước đạt 194tạ/ha, sản lượng ước đạt 294.880 tấn. So với năm 2020, diện tích giảm 14,53% (2.585 ha), năng suất tăng 1,46% (2,4 tạ/ha), sản lượng giảm 13,45% (45.839 tấn).

(Chi tiết các loại cây trồng xem phụ lục kèm theo)

1.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Trong năm 2021, ước thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh đã chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng hàng năm khác với diện tích là 1.017,6ha¹

Thu nhập trên diện tích chuyển đổi sang cây ngô tăng từ 7-15triệu đồng/ha, cây rau tăng từ 20-30 triệu đồng/ha.

1.3. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn

Trong năm 2021, ước thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai xây dựng được 73 cánh đồng lớn chủ yếu trong sản xuất lúa, lạc và dưa hấu, với tổng diện tích là 1.516ha² ; Năng suất lúa tăng từ 2,2-6,5tạ/ha, lạc tăng 2tạ/ha, dưa hấu tăng 40tạ/ha..

1.4. Tình hình sản xuất rau an toàn, nông nghiệp công nghệ cao

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có có 80,0ha³ lúa, 7,0ha⁴ rau các loại, 46,05ha⁵ cây ăn quả được chứng nhận VietGAP . Ngoài ra còn có các cơ sở ứng dụng

¹ chuyển sang ngô 173,9ha; lạc 164,5ha; đậu các loại 17,9ha; rau các loại 115,3ha; cỏ chăn nuôi 95,2ha; mỳ 16,2ha; cây khác: 267,5ha, cây lâm nghiệp (cây keo) 170ha).

² Sơn Tịnh: 30ha; Nghĩa Hành: 198,0ha; Mộ Đức: 1010,0ha; Tư nghĩa: 75ha và thị xã Đức Phổ: 22,0ha),

³ Công ty THHH NLN TBT sản xuất tại HTX DV nông nghiệp Phước Thuận, HTX DV nông nghiệp Phước Hòa, HTX DV nông nghiệp Bồ Đề, huyện Mộ Đức, với sản lượng dự kiến 800 tấn/năm.

⁴ Công ty TNHH Nông nghiệp CNC QNASAFE 05 ha, với sản lượng ước đạt 182,5tấn/năm, 02 ha HTX Măng tây Đức Thạnh, sản lượng 20 tấn/ha/năm.

công nghệ cao trong việc sản xuất rau, củ quả (sản xuất rau thủy canh) với tổng diện tích 2.280m², sản lượng 51,2tấn/năm.

2. Chăn nuôi

2.1. Tình hình phát triển chăn nuôi

Nhìn chung, đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định hơn so với năm 2020; Ngành xác định sản phẩm chăn nuôi hàng hóa chủ lực của địa phương là bò thịt và trâu thịt; Thực hiện việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực; Sản lượng thịt hơi ngày càng tăng. Tuy nhiên, Bệnh dịch tả lợn Châu phi vẫn còn xảy ra, người chăn nuôi heo gặp nhiều khó khăn trong công tác tăng đàn. Bệnh viêm da nổi cục (VDNC) ở trâu bò, đây là bệnh mới, xảy ra từ tháng 3/2021, đến nay đã xảy ra 13/13 huyện thành phố, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi.

Ước tổng đàn gia súc, gia cầm đến cuối năm 2021 như sau:

- Đàn trâu: 70.000 con, tăng 1% (693 con) so với năm 2020
- Đàn bò: 282.000 con, tăng 0,96% (2.695 con) so với năm 2020
- Đàn heo: 401.000 con, tăng 6,78% (25.449 con) so với năm 2020
- Sản lượng thịt heo xuất chuồng ước đạt: 83.954 tấn. tăng 3,73% (3.022 tấn) so với năm 2020.

2.2. Tình hình dịch bệnh

Các bệnh thông thường THT, DT, PTH, tiêu chảy ở vật nuôi xảy ra rải rác, nhỏ lẻ tại các địa phương trong tỉnh đã được bao vây dập tắt không để lây lan diện rộng.

- Bệnh dịch tả lợn Châu Phi: Từ đầu năm đến hết ngày 25/7/2021 dịch vẫn tiếp tục xảy ra tại 8 huyện thị xã, thành phố (gồm 34 xã, 60 thôn, 140 hộ) với tổng số lợn mắc bệnh buộc tiêu hủy là 703 con (37,386 tấn).

- Bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trâu bò: Từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/7/2021, Tổng số bò mắc bệnh **17.820** con (chiếm tỷ lệ 6,3% tổng đàn), trong đó chết **786** con (chiếm tỷ lệ 4,4% tổng số bò mắc bệnh).

- Bệnh LMLM gia súc: Từ đầu năm đến nay, dịch xảy ra ở 8 huyện thành phố⁵ (gồm 534 hộ, 80 thôn, 32 xã) với tổng số gia súc mắc bệnh là 1.397 con, làm chết và tiêu hủy 144 con (trong đó gồm 123 bò, 21 heo)

- Bệnh tai xanh ở lợn: Không xảy ra ổ dịch nào.

- Bệnh cúm gia cầm: Không xảy ra ổ dịch nào.

3. Thủy sản

3.1. Khai thác và nuôi trồng thủy sản

3.1.1. Khai thác biển:

- Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 264.688 tấn, tăng 1,4% (3.653 tấn) so với năm 2020.

3.1.2. Nuôi trồng thủy sản

⁵ 35ha chuối ngự do HTX NN Hành Tín Đông, sản lượng 03tấn/ha/năm; Tại HTX NN Hành Nhân có 1,4ha chôm chôm sản lượng 9,3tấn/ha/năm, 5,75 ha sầu riêng sản lượng 10,5tấn/ha/năm; 3,9ha bưởi da xanh sản lượng 10,8 tấn/ha/năm

⁶ Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, thành phố QN, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Sơn Tây

a) *Diện tích nuôi trồng*: Diện tích mặt nước thả nuôi 1.557 ha, trong đó 615 ha nuôi tôm nước lợ. So với năm 2020, diện tích tương đương năm 2020.

b) *Sản lượng nuôi trồng*:

Ước tổng sản lượng thu hoạch đạt 8.140 tấn. So với năm 2020 sản lượng tăng 3,3% (262 tấn) trong đó: Sản lượng tôm nuôi ước đạt 5.495 tấn. So với năm 2020 tăng 3,68% (195 tấn).

- Nuôi nước ngọt chủ yếu là ở các huyện miền núi với đối tượng truyền thống như: cá trắm, cá mè, cá lóc, cá rô phi...). Sản phẩm nuôi chủ yếu cải thiện đời sống, chưa mang tính sản xuất hàng hoá.

c. Tình hình dịch bệnh thủy sản

Trên địa bàn tỉnh có 4,35 ha diện tích nuôi tôm bị bệnh. Trong đó: 2,95 ha bị bệnh Đốm trắng (WSSV) ở huyện Bình Sơn; 1,4 ha bị bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính (Thành phố Quảng Ngãi và Tư Nghĩa). Tôm bệnh có thời gian thả nuôi khoảng 20-30 ngày tuổi.

3.2. Công tác quản lý tàu cá

- Đến nay, tổng số tàu cá là 5.257 chiếc⁷, tổng công suất 1.838.734CV; thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 1.545 tàu cá⁸; thẩm định 160 hồ sơ thiết kế tàu cá⁹

- Số tàu cá đã được phân cấp: 2.848 tàu (Hạn chế I: 1.153 tàu, Hạn chế II: 1.503 tàu, Hạn chế III: 192 tàu). Số tàu cá chưa phân cấp 491 tàu.

3.3. Công tác quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi (hợp đồng với đơn vị tư vấn Viện Nghiên cứu hải sản)

- Cấp 446 Giấy phép khai thác thủy sản, cấp 310 Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá; 73 giấy Chứng nhận thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp, tương ứng 1.066 tấn thủy sản khai thác.

- Đến nay, toàn tỉnh có 2.735 tàu cá đã lắp đặt trên tổng số 3.332 tàu cá có chiều dài 15m trở lên bắt buộc phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (đạt 82,08%).

3.4. Công tác triển khai thực hiện chính sách phát triển thủy sản

- Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm tàu cá và thuyền viên theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP và Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định bổ sung nội dung Điều 1 Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ đối với chủ tàu Nguyễn Thành Thắng.

⁷ Tàu có chiều dài từ 6m đến dưới 12m: 866 chiếc, từ 12m đến dưới 15m: 1.067 chiếc, từ 15m đến dưới 24m: 3.152 chiếc, từ 24m trở lên: 172 chiếc).

⁸ Đóng mới, đăng ký mới: 8, cải hoán: 167, hàng năm: 1.370 tàu

⁹ 05 hồ sơ đóng mới, 155 hồ sơ cải hoán

3.5. Kết quả thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg

- Tính đến 7/2021, tiếp nhận 185 đơn đăng ký và 127 đơn xóa đăng ký tàu cá thường xuyên khai thác, dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; 3.700 hồ sơ hỗ trợ ngư dân theo Quyết định 48; lắp đặt 59 thiết bị thông tin liên lạc VX-1700.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg đợt 2,3,4,5,6/2020 cho ngư dân với tổng kinh phí là 353.384 triệu đồng.

- Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đợt 1,2,3,4/2021 hỗ trợ ngư dân tham gia khai thác thủy sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Trình UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác hải sản trên vùng biển xa đợt 1/2021, với tổng kinh phí là 63.578 triệu đồng.

3.6. Công tác quản lý các cảng cá

Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài sản, công trình: Cảng NTTT Lý Sơn, Cảng NTTT Tịnh Hòa, Cảng cá Sa Huỳnh, Cảng NTTT Mỹ Á, Cảng cá Tịnh Kỳ, phát huy hiệu quả, tạo thuận lợi cho tàu cá ra vào neo đậu, tiếp nhận, bốc dỡ hàng hóa, thủy sản và hành khách, đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn vệ sinh môi trường, không để xảy ra tình trạng mất mát, hư hỏng các công trình cảng cá.

Các công trình Nâng cấp, mở rộng nhà làm việc Cảng cá Sa Huỳnh, Khắc phục sạt lở đê Bắc và đê Nam thuộc Cảng neo trú tàu thuyền Mỹ Á; Nạo vét, thông luồng ra vào Cảng cá Sa Huỳnh, đã hoàn thành công trình, đưa vào sử dụng; đang triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật về an toàn thực phẩm Nhà phân loại cá tại Cảng cá Sa Huỳnh và Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa; Dự án Nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện hạ tầng các cảng cá, cảng neo trú tàu thuyền (Lý Sơn, Sa Huỳnh, Sa Kỳ, Tịnh Hòa và Mỹ Á);

Trong năm 2021, hồ sơ xác nhận nguyên liệu thủy sản từ khai thác ước khoảng 204 bộ, với tổng khối lượng khoảng 5.850,0 tấn cá các loại theo Quy định ghi nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

3.7. Công tác bảo tồn biển

Đến tháng 7/2021, đã chủ trì và phối hợp với Ban bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện 09 lượt tuần tra trên biển. Kết quả Tổ tuần tra đã phát hiện 17 phương tiện tàu cá xâm hại đến Khu bảo tồn, chủ yếu là lặn ốc, đánh lưới và neo đậu trong vùng cấm của Khu bảo tồn. Tổ tuần tra đã tiếp cận, nhắc nhở, tuyên truyền và xua đuổi các phương tiện trên ra khỏi vùng cấm của Khu bảo tồn.

Đội tuần tra và quản lý vận hành tàu tuần tra thực hiện tuần tra giám sát trên bộ, nhằm kịp thời phát hiện các hình vi phạm pháp luật. Tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo tồn rùa biển, ý thức bảo vệ môi trường, trên địa bàn huyện Lý Sơn.

4. Lâm nghiệp

4.1. Lâm sinh

Tổng diện tích có rừng năm 2021 ước đạt 332.287 ha, trong đó diện tích thuộc quy hoạch 03 loại rừng 256.634 ha (*rừng phòng hộ 113.757 ha, rừng sản xuất 142.877 ha*).

Diện tích trồng mới ước thực hiện 24.657 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ 96ha, trồng rừng sản xuất 24.561ha. So với năm 2020 diện tích trồng rừng tăng 3,2% (769ha).

Khoanh nuôi tái sinh rừng ước thực hiện 620ha, so với năm 2020 khoanh nuôi tái sinh rừng giảm 6,6% (44ha).

Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng ước đạt 2.065.646 m³. So với năm 2020, sản lượng khai thác tăng 10,4% (194.647 m³)

Độ che phủ rừng ước đạt 51,27%, bằng so với năm 2020

4.2. Công tác quản lý bảo vệ rừng

Tính đến tháng 7/2021 đã phát hiện 155 vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng; Thu giữ 94,25m³ gỗ tròn, 80,4m³ gỗ xẻ các loại. Thu nộp ngân sách 1.182,9 triệu đồng.

Số vụ vi phạm về phá rừng trái phép là 16 vụ làm thiệt hại 3,21 ha.

Số vụ cháy rừng là 07 vụ làm thiệt hại 13,74ha.

4.3. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng

Kết quả thu tiền DVMTR đến tháng 8/2021 là 7,929 tỷ đồng¹⁰/10,891 tỷ đồng. Ước thực hiện đến cuối năm thu khoảng 10,891 tỷ đồng đạt 100% KH năm 2021.

Đã thực hiện chi tiền DVMTR lần I/2021 (số tiền chi trả còn lại của năm 2020 sau khi có kết quả xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR) là 4.557 triệu đồng; Ước thực hiện đến cuối năm, sẽ tiếp tục chi trả lần II/2021 khoảng 5.999 triệu đồng.

Kết quả thu/chi trồng rừng thay thế: Từ năm 2015 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt 21 Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế (TRTT) để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với tổng số tiền Chủ dự án phải nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi (Quỹ tỉnh) là 27.280 triệu đồng để thực hiện trồng rừng thay thế 257,2 ha. Đến nay, có 19 phương án đã nộp về Quỹ tỉnh với số tiền là 12.808 triệu đồng; còn 02 phương án Chủ dự án chưa nộp tiền về Quỹ tỉnh với số tiền phải nộp là 14.472 triệu đồng, chiếm 53% tổng số tiền TRTT chủ dự án phải nộp trên địa bàn tỉnh.

Tổng diện tích đã thực hiện TRTT: 209,68 ha /209,4944 ha; giải ngân 8.758 triệu đồng/12.808 triệu đồng, đạt 68% số tiền đã nộp về Quỹ tỉnh.

¹⁰ Thu nội tỉnh: 6,505 tỷ đồng; Trung ương điều phối: 1,424 tỷ đồng

5. Công tác thủy lợi, Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn

5.1. Công tác thủy lợi

Hướng dẫn, kiểm tra Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và UBND các huyện, thị, thành phố thực hiện quản lý khai thác và đảm bảo cấp đủ nước cho vụ sản xuất Đông Xuân 2020-2021 và vụ Hè Thu 2021 cũng như cấp nước cho các ngành kinh tế khác; Triển khai công tác phòng, chống hạn, xâm nhập mặn phục vụ dân sinh.

Ước thực hiện diện tích tưới 79.056 ha, so với năm 2020 tăng 4,53% (3.427ha).

Tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ về việc thi hành các văn bản pháp luật về thủy lợi được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 28/12/2018¹¹; Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 20/11/2018; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/9/2018¹²; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/2/2019; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 11/2/2020.

Xây dựng phương án phòng chống hạn và xâm nhập mặn, phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện các dự án xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển; rà soát tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển phục vụ xây KH triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở sông, bờ biển đến năm 2030.

5.2. Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tổ chức sửa chữa, nâng cấp và quản lý, khai thác các công trình phát huy hiệu quả; Đảm bảo nhu cầu cấp nước sạch sinh hoạt hợp vệ sinh cho dân cư nông thôn. Đưa tỷ lệ số hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 97% trong năm 2021, trong đó ước đạt 55% số hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt QCVN.

Riêng Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trong 6 tháng đầu năm 2021 đã cung cấp dịch vụ nước sạch sinh hoạt cho khoảng 11.985 hộ tăng 1.577 hộ so với cùng kỳ năm 2020 là 10.408 hộ và 01 cụm công nghiệp làng nghề Bình Nguyên, huyện Bình Sơn. Với tổng công suất khoảng

¹¹ Tổ chức thực hiện 05 nhiệm vụ cấp bách của Kế hoạch 142/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh đến cuối năm 2021: (1) Hoàn thành nhiệm vụ Lập quy trình vận hành 23 hồ chứa nước lớn và vừa; (2) Hoàn thành nhiệm vụ Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 03 hồ chứa nước có cửa van; (3) Hoàn thành 60% khối lượng nhiệm vụ Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du hồ chứa nước 23 hồ; (4) Hoàn thành 80% khối lượng Nhiệm vụ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước; (5) Hoàn thành 65% nhiệm vụ Lập bản đồ ngập lụt hạ du đập và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của 20 hồ chứa nước lớn và vừa.

¹² Tổ chức thực hiện 04 nhiệm vụ về nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 18/11/2019, gồm: (1) Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hội nghị trực tuyến tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, (2) Hoàn thành 50% khối lượng nhiệm vụ cập nhật, xây dựng, nâng cấp Bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai tỉnh Quảng Ngãi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, (3) Hoàn thành 50% khối lượng nhiệm vụ Đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng đến ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp ứng phó, (4) Xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai

4.575m³/ngày,đêm tăng 716m³/ngày,đêm so với cùng kỳ năm 2020 là 3.859m³/ngày,đêm.

6. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản, vật tư nông nghiệp

6.1. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản

Tính đến tháng 8/2021 đã thống kê lập danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản là 15 cơ sở, ước thực hiện cả năm là 20 cơ sở; Kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thực phẩm là 100 cơ sở, ước thực hiện cả năm là 180 cơ sở.

Thực hiện tiếp nhận 60 bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, ước thực hiện cả năm là tiếp nhận 70 bản tự công bố sản phẩm.

Chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi: Đã thực hiện lấy 17 mẫu tôm chân trắng. Kết quả: đảm bảo theo quy định. Dự kiến cả năm sẽ lấy 38 mẫu tôm chân trắng.

Tổ chức kiểm tra xác nhận kiến thức về ATTP cho 31 người; Cấp giấy xác nhận kiến thức cho 28/31 người đạt.

6.2. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp

Ngành rất chú trọng công tác quản lý vật tư nông nghiệp; Tập trung vào công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về các văn bản pháp luật có liên quan; Công khai các quy trình thủ tục hành chính trong lĩnh vực phân bón và giống cây trồng, thuốc BVTV, ...Đã tiến hành thực hiện thanh tra các cơ sở sản xuất kinh doanh với tổng số cuộc đã thực hiện tính đến tháng 7/2021 là 9 cuộc (*số cuộc thanh tra đột xuất là 01 cuộc; thanh tra theo kế hoạch 07 cuộc; thanh tra đột xuất 01 cuộc*); Số tổ chức cá nhân được thanh tra, kiểm tra là 107. Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu: Nông, lâm và thủy sản.

Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm: 04 (0 tổ chức và 04 cá nhân). Tổng số tiền xử phạt vi phạm: 21 triệu đồng¹³ (Đã nộp vào KBNN)

7. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

7.1. Phát triển nông thôn

Về phát triển kinh tế tập thể: Hiện nay, tổng số Hợp tác xã là 230 HTX, trong đó thành lập mới 18 HTX. Thu nhập bình quân một lao động của HTX: 25 triệu đồng/người/năm.

Về phát triển ngành nghề nông thôn

Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

Xây dựng Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

¹³ Chi cục QLCL Nông Lâm Thủy sản 16 triệu đồng; Chi cục Thủy sản 5 triệu đồng

Xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025.

Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh, hợp tác xã/tổ hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, mở rộng mặt bằng sản xuất, lựa chọn công nghệ tiên tiến, hiện đại, kết hợp với công nghệ truyền thống tinh xảo để tạo ra những sản phẩm có giá trị chất lượng cao, nét độc đáo riêng, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế và tham gia vào Chương trình OCOP .

7.2. Xây dựng nông thôn mới

Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021; Tiếp tục hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp; triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2021,...

Kết quả tổng hợp thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới: đến 30/6/2021:

- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện: Tư Nghĩa và Nghĩa Hành. Riêng huyện Lý Sơn đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và thành phố Quảng Ngãi đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

- Số xã đạt số tiêu chí theo nhóm:

+ Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): 89 xã (trong đó 89 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM);

+ Nhóm 2 (15 - 18 tiêu chí): 7 xã;

+ Nhóm 3 (10 - 14 tiêu chí): 41 xã;

+ Nhóm 4 (5 - 9 tiêu chí): 11 xã;

+ Không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Ước thực hiện năm 2021

Số huyện đạt NTM 02 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới, bao gồm: Huyện Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi, lũy kế: 4 huyện, thành phố đạt 100% KH do tỉnh giao.

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 5 xã đạt chuẩn thôn mới, lũy kế: 94 xã, đạt 100% KH do tỉnh giao.

Số tiêu chí bình quân/xã: 16,5 TC/xã, tăng 0,66 TC so với cuối năm 2020: 15,84, đạt 100% KH do tỉnh giao.

III. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

1. Đối với Nông nghiệp:

- Sản xuất nông nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu ổn định do tác động của thời tiết và giá cả thị trường, đặc biệt trong năm dịch bệnh Viêm da nổi cục trên trâu bò làm cho người chăn nuôi thiệt hại nặng; Dịch bệnh Covid 19 kéo dài một số nông sản gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ như Ớt, . .

- Việc chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác còn gặp khó khăn, chưa có sự liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, là hạn chế lớn trong việc mở rộng mô hình, chưa khuyến khích người dân đầu tư cho sản xuất.

- Đa số sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh chưa có sự liên kết trong sản xuất, dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm thiếu ổn định, chưa có đầu ra cụ thể, người nông dân chưa yên tâm phát triển sản xuất.

2. Đối với thủy sản:

Cơ sở chế biến, xuất khẩu thủy sản trong tỉnh quy mô nhỏ là chủ yếu, cảng cá, bến cá chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận, chế biến, tiêu thụ thủy sản nên lượng tàu thuyền sau khi khai thác thủy sản về tỉnh ít;

Nuôi trồng thủy sản trong tỉnh còn quy mô nhỏ, hàng hóa ít, hiệu quả chưa cao; tình hình dịch bệnh trên tôm nuôi xảy ra phổ biến nhưng chưa có giải pháp khắc phục, gây thiệt hại lớn cho người nuôi.

3. Đối với Lâm nghiệp:

Cơ cấu cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh mất cân đối, chủ yếu là cây keo; Tình trạng phá rừng làm nương rẫy và vi phạm Luật bảo vệ và Phát triển rừng vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương trong tỉnh; chế biến và xuất khẩu lâm sản thô là chủ yếu, giá trị gia tăng thấp;

IV. Đánh giá chung

Nhìn chung trong năm 2021, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro như Dịch bệnh covid -19 làm ảnh hưởng đến tiêu thụ nông sản hàng hóa, Dịch bệnh viêm da nổi cục trong chăn nuôi, . . . ; giá cả biến động bất thường không có lợi cho sản xuất. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp đã bám sát vào các chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ đề ra như:

- Kinh tế ngành năm 2021 tăng trưởng ước đạt 3,02%.
- An ninh lương thực được giữ vững.
- Chăn nuôi do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh, nhưng đàn gia súc, gia cầm nói chung vẫn giữ ổn định, đàn trâu, bò vẫn tiếp tục tăng trưởng; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng ;
- Độ che phủ rừng giữ ổn định như năm 2020, đạt 51,27%.
- Khai thác thủy sản tăng trưởng với tốc độ tăng 1,5% ;
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã đi vào thực tiễn cuộc sống, được người dân nông thôn hưởng ứng và tham gia thực hiện và trở thành phong trào thi đua sôi nổi trong nông thôn.

Phần 2

NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. Mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch năm 2022

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh; Cải thiện đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần đảm bảo an ninh quốc gia.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu KH 2022
1	Tốc độ tăng GTSX ngành	2,27%
2	Sản lượng lương thực	491.000 tấn
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	86.000 tấn
4	Tổng sản lượng thủy sản khai thác	265.000 tấn
5	Sản lượng nuôi trồng	8.500 tấn
6	Trồng rừng tập trung	24.339 ha
7	Khai thác rừng trồng	2.195.000 m ³
8	Tỷ lệ che phủ rừng (có tính cây phân tán)	51,3 %
9	Số xã đạt 19 tiêu chí NTM	5 xã
10	Lũy kế 19 xã đạt tiêu chí NTM	99 xã
	Trong đó, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	5 xã
11	Số huyện đạt tiêu chí NTM	0 huyện
	Lũy kế số huyện đạt tiêu chí NTM	04 huyện
12	Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp VS	97 %
	Trong đó sử dụng nước sạch	57 %

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

II. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển ngành năm 2022

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021-2025, ngành Nông nghiệp và PTNT tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

a) Toàn ngành tập trung bám sát nội dung Chương trình hành động số 01-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của ngành.

c) Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; Đưa cơ giới hóa, khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, làm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trên một đơn vị canh tác.

d) Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh cây trồng và vật nuôi, phối hợp với địa phương phát hiện dịch sớm, nhanh chóng dập tắt không để lây lan diện rộng. Hướng dẫn vệ sinh khử trùng tiêu độc các ổ dịch cũ.

e) Tổ chức quản lý thực hiện các Kế hoạch về thủy lợi đề điều đã được UBND tỉnh phê duyệt.

g) Chỉ đạo tốt công tác sản xuất, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư cho sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế, có khả năng nâng cao giá trị gia tăng của địa phương như chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây nguyên liệu,...; Chuyển sản xuất từ coi trọng số lượng sang chất lượng thông qua các giải pháp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm,... để tăng tính cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm.

h) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Giải quyết tình trạng dịch bệnh trên tôm.

i) Tạo điều kiện, đơn đốc các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Nâng cao năng lực của các HTX, đẩy mạnh liên doanh, liên kết sản xuất.

k) Tập trung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị nông sản hàng hóa, đồng thời thực hiện liên kết chuỗi giá trị bền vững và có hiệu quả.

l) Triển khai các biện pháp phù hợp để thu hút các nguồn lực để đầu tư thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, hoàn thành đúng kế hoạch được giao.

m) Chủ động thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; Khắc phục bồi lấp, sạt lở cửa sông, cửa biển; Ưu tiên nguồn lực đầu tư sửa chữa các hồ đập có nguy cơ mất an toàn và các dự án phòng chống thiên tai.

n) Thường xuyên rà soát, đánh giá các chính sách đã ban hành để nắm bắt những vướng mắc, bất cập nhằm kiến nghị cấp thẩm quyền sửa đổi cho phù hợp với thực tế, đảm bảo các chính sách thực sự đi vào cuộc sống.

Trên đây là đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2021 và định hướng Kế hoạch 2022 của ngành Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi. Kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận :

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Phòng KH-TC, VP Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương

